

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/KDTM – ST
Ngày: 01/10/2019
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Xuân
2. Ông Nguyễn Tấn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Dương – Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 24/2019/TLST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt N - Chi nhánh thị xã C, tỉnh Phú Yên. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn V – Phó giám đốc phụ trách. Địa chỉ: Số 10 Hùng V, P.Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Ông V ủy quyền cho ông Phan Ngọc A - Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng. Có mặt

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn B, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn Hòa G, xã Xuân H, thị xã C, Phú Yên. Vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phan Thị K, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn Hòa G, xã Xuân H, thị xã C, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 28/5/2019 và các lời khai trong quá trình**

giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/3/2017 vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phan Thị K có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên số tiền 400.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-201700642 ký ngày 27/3/2017. Thời hạn cho vay 24 tháng kể từ tháng 03/2017, mục đích sử dụng tiền vay: nuôi tôm hùm. Phương thức áp dụng lãi suất: lãi suất cố định, lãi suất 8.5%/năm; lãi suất nợ quá hạn: Khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên B không có khả năng trả nợ đúng hạn gốc và/hoặc lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì bên A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và bên B phải chịu lãi suất phạt số tiền thực tế quá hạn. Bên B vi phạm hợp đồng tín dụng, bị bên A thu hồi nợ trước hạn, nếu bên B không trả hết nợ thì toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng được chuyển sang nợ quá hạn và bên B phải chịu lãi suất phạt quá hạn toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận. Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp, nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 201700409 ngày 27/3/2017 đối với 02 diện tích đất:

+ Diện tích đất 208,3m², thửa đất số 10, tờ bản đồ QH, hình thức sử dụng: sử dụng riêng 208,3m², mục đích sử dụng đất: đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài, tọa lạc tại Thôn Hòa G, xã Xuân H, thị xã C, Phú Yên, đã được UBND thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 497947 ngày 01/8/2008 cho ông Nguyễn B, bà Phan Thị K và 01 ngôi nhà ở 1 tầng diện tích 113 m², kết cấu: loại nhà gạch.

+ Diện tích đất 210m², thửa đất số 337, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại thôn Phú Dương, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, Phú Yên, hình thức sử dụng riêng: 210m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn: 100m², đất trồng cây lâu năm: 110m², thời hạn sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: đến ngày 15/10/2043, đã được UBND thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 726500 ngày 25/5/2015 cho ông Nguyễn B và bà Phan Thị K.

Đến ngày 01/10/2019 vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phan Thị K còn nợ Ngân hàng số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng, số tiền lãi suất tính đến ngày 01/10/2019 là 44.438.889 đồng, tổng cộng 444.438.889 đồng. Nếu vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phan Thị K không B toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án xử lý phát mãi 02 tài sản đảm bảo là 02 Quyền sử dụng đất: theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 201700409 ngày 27/3/2017 mà vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phan Thị K còn thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Tòa án triệu tập họp lệ nhưng bị đơn ông Nguyễn B và người có quyền lợi,*

nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn ông Nguyễn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử đã được niêm yết hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470, 299, 323 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K có hộ khẩu thường trú tại Thôn Hòa G, xã Xuân H, thị xã C, tỉnh Phú Yên đã được triệu tập hợp lệ và niêm yết hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối ông Nguyễn B và bà Phan Thị K

[2] Về Thẩm quyền: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phan Thị K phải trả số nợ gốc, lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có đăng ký nhân khẩu thường trú tại Thôn Hòa G, xã Xuân H, thị xã C, tỉnh Phú Yên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-201700642 ký ngày 27/3/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 201700409 ngày 27/3/2017 được lập thành văn bản, ký kết giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên các hợp đồng là hợp pháp, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Trên cơ sở về việc thoả thuận vay vốn giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N chi nhánh Tx. C, tỉnh Phú Yên và vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phan Thị K đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 4603-LAV-201700642 ký ngày 27/3/2017, số tiền vay: 400.000.000 đồng (Đã giải ngân 400.000.000 đồng; Thời hạn cho vay 24 tháng kể từ tháng 03/2017, mục đích sử dụng tiền vay: nuôi tôm hùm. Phương thức áp dụng lãi suất: lãi suất cố định, lãi suất 8.5% năm; lãi suất nợ quá hạn: Khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên B không có khả năng trả nợ đúng hạn gốc và/hoặc lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì bên A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và bên B phải chịu lãi suất phạt số tiền thực tế quá hạn. Bên B vi phạm hợp đồng tín dụng, bị bên A thu hồi nợ trước hạn, nếu bên B không trả hết nợ thì toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng được chuyển sang nợ quá hạn và bên B phải chịu lãi suất phạt quá hạn toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thoả thuận. Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp, nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 201700409 ngày 27/3/2017.

Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông B và bà K theo hợp đồng đã ký kết. Nhưng vợ chồng ông B và bà K đã không thực hiện đúng các cam kết đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, không trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc các bên ký kết hợp đồng tín dụng là thực tế; nhưng bị đơn không trả nợ đầy đủ cho ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết là vi phạm điều 7 của hợp đồng tín dụng và quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Mặc khác, bị đơn ông Nguyễn B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K cố tình giấu địa chỉ và không có mặt khi Tòa án triệu tập làm việc về yêu cầu của nguyên đơn để trốn tránh nghĩa vụ B toán khoản vay cho nguyên đơn. Do đó yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền vay gốc: 400.000.000 đồng và số tiền lãi suất tính đến ngày 01/10/2019 là: 44.438.889 đồng, gồm lãi trong hạn: 34.222.222 đồng, lãi quá hạn 10.216.667 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi: 444.438.889 đồng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị K phải trả nợ cho Ngân hàng. HĐXX xét thấy bà Phan Thị K có ký kết với nguyên đơn đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 201700409 ngày 27/3/2017 cho thấy bà K có biết và bà đồng ý việc ông Nguyễn B là chồng của bà K ký kết hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-201700642 ký ngày 27/3/2017 với Ngân hàng. Nên HĐXX có cơ sở buộc bà K có nghĩa vụ cùng ông B phải B toán số tiền nợ cho nguyên đơn.

Xét thấy: Đối với 02 diện tích đất:

+ 01 ngôi nhà ở 1 tầng, kết cấu: loại nhà gạch có diện tích 113 m² gắn trên

diện tích đất 208,3m², thửa đất số 10, tờ bản đồ QH, hình thức sử dụng: sử dụng riêng 208,3m², mục đích sử dụng đất: đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài, tọa lạc tại: Thôn Hòa An, xã Xuân Hòa, T.x Sông Cầu, Phú Yên, đã được UBND thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 497947 ngày 01/8/2008 cho ông Nguyễn B, bà Phan Thị K.

+ Diện tích đất 210m², thửa đất số 337, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại: Thôn Phú Dương, xã Xuân Thịnh, T.x Sông Cầu, Phú Yên, hình thức sử dụng riêng: 210m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn: 100m², đất trồng cây lâu năm: 110m², thời hạn sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: đến ngày 15/10/2043, đã được UBND thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 726500 ngày 25/5/2015 cho ông Nguyễn B và bà Phan Thị K.

Cả hai diện tích đất trên đều đứng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn B và bà Phan Thị K, tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng thế chấp tài sản số: 201700409 ngày 27/3/2017, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn.

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa B toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi B toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục B toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”*.

Căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận và theo án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở để buộc vợ chồng ông B và bà K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa B toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 4603-LAV-201700642 ký ngày 27/3/2017 cho đến khi B toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà vợ chồng ông B và bà K vay phải tiếp tục B toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử

sơ thẩm.

Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu: Căn cứ vào Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 463, 466, 468, 470, 299, 323 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu: 21.777.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 317, 318, 321, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã Sông Cầu.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phan Thị K phải B toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N – Chi nhánh thị xã C theo hợp đồng tín dụng số: 4603-LAV-201700642 ký ngày 27/3/2017 số tiền vay gốc: 400.000.000 đồng và số tiền lãi suất tính đến ngày 01/10/2019 là: 44.438.889 đồng gồm lãi trong hạn: 34.222.222 đồng, lãi quá hạn 10.216.667 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi: 444.438.889 đồng (*Bốn trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án nếu vợ chồng ông B, bà K chưa thi hành xong số tiền nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp gồm:

+ Diện tích đất 208,3m², thửa đất số 10, tờ bản đồ QH, hình thức sử dụng: sử dụng riêng 208,3m², mục đích sử dụng đất: đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài, tọa lạc tại Thôn Hòa G, xã Xuân H, thị xã C, Phú Yên, đã được UBND thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 497947 ngày 01/8/2008 cho ông Nguyễn B,

bà Phan Thị K và ngôi nhà 1 tầng, kết cấu: loại nhà gạch

+ Diện tích đất 210m², thửa đất số 337, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại thôn Phú Dương, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu, Phú Yên, hình thức sử dụng riêng: 210m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn: 100m², đất trồng cây lâu năm: 110m², thời hạn sử dụng: đất ở tại nông thôn: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: đến ngày 15/10/2043, đã được UBND thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 726500 ngày 25/5/2015 cho ông Nguyễn B và bà Phan Thị K.

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 201700409 ngày 27/3/2017 giữa vợ chồng ông B, bà K với Ngân hàng để đảm bảo thu hồi nợ.

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phan Thị K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa B toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-201700642 ký ngày 27/3/2017 cho đến khi B toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phan Thị K vay phải tiếp tục B toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về án phí:** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N chi nhánh thị xã C, tỉnh Phú Yên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N chi nhánh thị xã C, tỉnh Phú Yên đã nộp là 10.434.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2015/0006942 ngày 06/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Vợ chồng ông Nguyễn B và bà Phan Thị K phải chịu 21.777.000 đồng (*Hai mươi một triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được

8

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TX. Sông Cầu
- Chi cục THADS TX. Sông Cầu
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị An Nhiên